

VỀ VAI TRÒ DỰ BÁO THÔNG TIN CỦA ĐƠN VỊ CẢM THÁN TRONG DIỄN NGÔN DÙ KÊ KHMER

Phan Thanh Bảo Trân

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh*

TÓM TẮT

Với đối tượng khảo sát là hoạt động ngôn từ trong một loại hình nghệ thuật của tiếng Khmer là Dù kê, chúng tôi xem xét chức năng dự báo thông tin của đơn vị cảm thán. Qua ngữ liệu khảo sát về vai trò đánh dấu, dự báo thông tin của đơn vị cảm thán trong cấu trúc thông tin của diễn ngôn Khmer, sự kết hợp đơn vị cảm thán trong cấu trúc thông tin của diễn ngôn Dù kê Khmer và sự đánh dấu trọng âm, khoảng dừng dự báo thông tin của đơn vị cảm thán trong diễn ngôn Dù kê Khmer, chúng tôi đã tìm thấy vai trò dự báo thông tin và chứng minh được vai trò đó trong loại hình nghệ thuật Dù kê của người Khmer Nam Bộ.

Từ khóa: đơn vị cảm thán, dự báo thông tin, Dù kê Khmer

*

1. Giới thiệu

Ở đồng bằng sông Cửu Long có gần 1,3 triệu đồng bào Khmer sinh sống. Cho đến nay, tiếng Khmer, đặc biệt là diễn ngôn Dù kê Khmer còn khá mới mẻ trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ.

Dù kê là một loại hình nghệ thuật trong văn hóa người Khmer được thể hiện dưới hình thức diễn xướng. Tên gọi Dù kê (hoặc Ru kê) vốn bắt nguồn từ tên gọi bản trường ca cổ điển Ấn Độ Ramayana du nhập vào các nước Đông Nam Á tiếp thu ảnh hưởng văn hóa cổ Ấn Độ. Dù kê có thể biểu diễn qua "hát bóng" hoặc qua kịch ca vũ của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long và thường được biểu diễn trong các ngày đặc biệt như: dịp Chôl Chnăm Thmây, Đol Ta, lễ dâng y, cầu an.

Đặc điểm nổi bật nhất trong diễn ngôn Dù kê là yếu tố cảm thán luôn luôn xuất hiện dày đặc, làm tăng tính biểu cảm cho

Dù kê. Và nó có đặc điểm như một chỉnh thể trọn vẹn về mặt nội dung, ý nghĩa. Nó cũng hành chức như một cú độc lập. Có thể nói đây là vấn đề khá phức tạp, đòi hỏi nhiều thời gian và công sức để nghiên cứu. Do giới hạn về thời gian và ngữ liệu, chúng tôi chỉ tập trung phân tích vai trò đánh dấu của đơn vị cảm thán trong diễn ngôn Dù kê Khmer.

Các tuồng Dù kê được khảo sát bao gồm: *Nàng Túp So Da Chanh* của đoàn nghệ thuật Ánh Bình Minh (Trà Vinh), *Nàng Mía Da* của đoàn nghệ thuật Bạc Liêu, *Thủy thần kén rể* của đoàn nghệ thuật Trà Vinh.

2. Vai trò đánh dấu, dự báo thông tin của đơn vị cảm thán trong cấu trúc thông tin của diễn ngôn Khmer

Cảm thán trong Dù kê là những đơn vị gắn liền với câu kể, câu tường thuật, câu hỏi, câu cầu khiến, hầu hết đều thể hiện thái độ của người nói, người tạo lập, còn cảm thán

trong câu nhận định lại có đặc trưng là thể hiện quan điểm của người nói, người tạo lập một cách rõ ràng nhất. Trong khi đó, tất cả các đơn vị cảm thán có cấu tạo từ đơn giản đến phức tạp, từ đơn vị có cấu tạo tương đương với từ cho đến các đơn vị có cấu tạo phức tạp hơn có ý nghĩa riêng biệt, khác nhau đều có vai trò đánh dấu thông tin trong diễn ngôn Dù kê. Đơn vị cảm thán có chức năng dự báo thông tin trong diễn ngôn theo sau nó trong một đoạn thoại. Nó có khả năng dự báo kết quả của một tình huống sự kiện, mang ý nghĩa dự báo thông tin của đoạn thoại.

Thí dụ: *Lum- Phách: Tê..tê...! Chhup sanh âu puc oi! Miên rương ây anh-châng? Kôl ðôt chia nâu kha-nông sô-banh (Không...không...! Khoan đã cha oi! Có chuyện gì xảy ra vậy? Con như ở trong mơ).*

Cảm thán trong diễn ngôn trên dự báo thông tin không thực hiện được việc làm hay kế hoạch đang làm, đang dự định làm, sắp diễn ra. Tình huống này dự báo về sự kiện là vua trao ngai vàng lại cho con trai nuôi mà ông từng ra lệnh đánh tráo để bảo vệ tính mạng cho con, đối phó với lời hứa cùng thủy thần nhưng sự thật lại không phải vậy, chàng thanh niên là con ruột của bác thợ săn.

Các ý nghĩa cảm thán dự báo thông tin rất đa dạng, chúng biến hóa linh hoạt theo ngữ cảnh, có nhiều nét nghĩa hơn là có nhiều biến thể ngữ âm.

Qua khảo sát, chúng tôi thấy việc khái quát hay áp đặt cho diễn ngôn Dù kê Khmer một cấu trúc nhất định, cơ bản nhất tách khỏi đơn vị cảm thán là không hợp lí. Bởi vì cấu trúc diễn ngôn đơn giản hay phức tạp hoàn toàn chịu ảnh hưởng của đơn vị cảm thán kết hợp với nó. Việc khảo sát, phân tích bắt buộc phải tiến hành gắn liền với tình huống trong đoạn thoại, đặt trong ngữ

cảnh, ngữ huống mà đơn vị cảm thán xuất hiện. Khi phân tích cần xem xét các yếu tố, tình huống trước và sau nó, những đơn vị mà phân tích diễn ngôn gọi là thông tin cũ và thông tin mới.

Cũng lưu ý rằng cách gọi thông tin cũ và thông tin mới trong diễn ngôn Dù kê khá phức tạp và có thể gây ra nhiều tranh cãi. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập đến chúng như là các yếu tố không thể thiếu của một chỉnh thể là diễn ngôn Dù kê Khmer và phân tích chúng với mục đích làm rõ các đặc điểm của đơn vị cảm thán trong diễn ngôn Dù kê Khmer.

Theo F. De Saussure, bản chất ngôn ngữ vốn có tính hệ thống, nhiều tầng bậc, một đơn vị có thể là con của hệ thống này nhưng có thể là mẹ của nhiều hệ thống, yếu tố con khác. Từ đó cũng có thể nói đơn vị cảm thán trong diễn ngôn Dù kê Khmer có cấu trúc phức tạp, gồm nhiều thành phần. Trường hợp phức tạp là khi đơn vị cảm thán có ít nhất hai thành phần là hai đơn vị mang nghĩa và hành chức như một cú nhưng không chứa đựng thông tin. Nhiều trường hợp cấu trúc diễn ngôn có đến 4, 5 thành phần mà mỗi thành phần vừa có thể hành chức như một cú hoàn chỉnh, vừa là thành phần cấu tạo nên đơn vị lớn hơn.

Thí dụ: *Hoàng tử: Ui...ui...! Ây dơ...! Ui...ui...ui...! Chhư púa nas, lôl oi! (Ui...ui...! Ây dơ...! Ui...ui...ui...! Đau bụng quá, ông ơi!)*

Diễn ngôn trong thí dụ nêu trên bao gồm năm thành phần theo cấu trúc: cảm thán 1 (tiếng kêu la tự nhiên) + cảm thán 2 (tiếng kêu la tự nhiên) + cảm thán 3 (tiếng kêu la tự nhiên) + kêu than 4 + kêu gọi 5. Mỗi thành phần đều có ý nghĩa cảm thán: 1,2,3 thể hiện sự đau đớn; 4 có ý nghĩa cảm

thán thể hiện sự đau đớn đồng thời cho biết thêm thông tin mới là đau cái gì, ở đâu. Lời kêu gọi ông ơi có quan hệ chặt chẽ với 4, nhưng vẫn có thể tách rời ra. Nói cách khác, khi nó đứng độc lập trong ngữ cảnh này thì nó vẫn mang ý nghĩa cảm thán kêu gọi để than để thán rõ ràng.

3. Sự kết hợp đơn vị cảm thán trong cấu trúc thông tin của diễn ngôn Dù kê Khmer

Trong Dù kê Khmer, cấu trúc diễn ngôn có thể có 14 dạng, có thể đặt tên cho từng dạng đồng thời thống kê tỉ lệ (phần trăm) trong số từ đã khảo sát.

1. [Cảm thán]. Thí dụ:

Hứ...! (Nàng Túp So Da Chanh)

Viasana: chòm let mên! (Lạ thật!) (ngạc nhiên)
Khi mình đi làm về liền thấy thức ăn dọn sẵn, còn nóng hôi hổi. Từ nhỏ tới lớn ở với mẹ, không khi nào mà có thức ăn ngon như vậy). (Nàng Túp So Da Chanh).

2. [Cảm thán] 2. Thí dụ:

Lum Phách: Ấy da! Ui...! (Ấy da!.. Ui...!)(than đau đớn). (Thuỷ thần kén rẻ).

3. [Cảm thán + Câu kể]. Thí dụ:

Túp So Da Chanh: Ô...! Kề tâu tha-vơ ca oi lôt sê-thây hơi! (Ô...! Người ta đi làm việc cho ông phú hộ rồi!). (Nàng Túp So Da Chanh).

4. [Cảm thán] 2 + Câu kể. Thí dụ:

Viasana: Ha! Put-thô! Me kha-nhom beat ka-bal hơi! (Hả...! Trời...! Mẹ tôi bị bể đầu rồi!).

(Nàng Túp So Da Chanh)

5. [Cảm thán + Câu kể]2. Thí dụ:

Viasana: A...! Kha-nhom nức khong hơi! (A...! Tôi nghĩ ra rồi! Hôm nay tôi sẽ không đi làm cho ông phú hộ. Tôi sẽ rình xem người đó là ai?) (sực nhớ, mừng rỡ). (Nàng Túp So Da Chanh).

6. [Cảm thán + hô gọi]. Thí dụ:

Viasana:Ô...! Me ơi me! (Ô...! Mẹ ơi mẹ). (Nàng Túp So Da Chanh).

7. Cảm thán + [Cảm thán + hô gọi]. Thí dụ:

Viasana: Ấy-da! Ui... neang ơi! (Ấy da!... Ui...nàng ơi!). (Nàng Túp So Da Chanh).

8. [Cảm thán]3 + Câu kể. Thí dụ:

Ôi...Ôi...! Ôi ... Bét kut kha-nhom hơi!(Ôi...Ôi...! Ôi...! Bể mông tôi rồi!) (than đau). (Thuỷ thần kén rẻ).

9. [Cảm thán + hô gọi] + Câu cầu khiến. Thí dụ:

Viasana: Ôi! Neang ơi! Chui ôs kha-nhom long phon neang ơi!(Ôi! Nàng ơi! Giúp kéo tôi lên với nàng ơi!) (kêu giúp). (Thuỷ thần kén rẻ).

10. [Cảm thán + hô gọi] + Câu hỏi. Thí dụ:

Clay: Ô... lôt pa-dây! Lôt không rương ây bal chia onh-kui bôt sok ka-bal anh-châng! (Ô...Ông chồng! Ông giận chuyện gì mà ngồi bứt đầu bứt tóc vậy?)(ngạc nhiên, khó chịu). (Nàng Mía- Da).

11. Cảm thán + Nhấn mạnh (điệp từ, động/danh/tính từ) + Câu kể. Thí dụ:

Clay: Dớ...! Rúc rơ, rúc rơ, rước đol sa-láp kos kha-miễn sa-ây đê!(Dớ...! Lọc lợi, lọc lợi, tìm đến chết cũng không có gì đâu !) (Phân bác, mỉa mai). (Nàng Mía- Da).

12. Câu kể + Cảm thán. Thí dụ:

Hoàng tử: Nếu như chồng vú còn sống thì kêu ông ấy đến mà than thở đi chớ đừng có than thở với con. Còl kha-chuñ nas lôt ơi! (Con làm biếng lắm trời ơi! [lôt ơi]. (Thuỷ thần kén rẻ).

13. Cảm thán + Hô gọi + Than. Thí dụ:

Nhũ mẫu: Ô... têu-va-da lôt ơi! Ma-đách khos kha-nhom pi-bac chách mà-les! (Ô ...Ông trời ơi! Sao mà tôi lại khổ tâm thế!). (Thuỷ thần kén rẻ).

14. Cảm thán + Than + Hô. Thí dụ:

Vua: Ô...! Sa-láp hơi lôt ơi! (Ô...! Chết rồi...trời ơi!) (Thuỷ thần kén rẻ)

Theo các dạng cấu trúc diễn ngôn trình bày trên, cấu trúc của đơn vị cảm thán trong diễn ngôn Khmer thường là một từ cảm thán tạm gọi là cấu trúc đơn và không có thông tin. Chúng thường là những từ hô gọi

hay từ mô phỏng tiếng kêu la tự nhiên đứng độc lập một mình (Ô...!), được lặp lại (Ô...ô...!) hoặc kết hợp với một đơn vị tương đương gần giống nó (Ô...ui...!), tạm gọi là cấu trúc kép. Cũng có thể là một kết cấu của lời gọi, bao gồm các thành phần như [đối tượng được gọi + hô ngữ (à, ơ, ời)] (trời ời) và tương tự cấu trúc đơn, cấu trúc này cũng không có thông tin, không thực hiện chức năng mệnh đề. Ngoài ra còn có dạng lời than, có cấu trúc bao gồm [thực từ + hư từ] (chết rồi!). Thí dụ:

Nhủ mẫu: slăp hơi (Chết rồi!) Prap oi riết sốt te mình sđăp tam kha-nhom (Bảo cho học hành mà không nghe lời tôi) (1).

Cảm thán còn có cấu trúc ghép 3 thành phần hoặc hơn 3 thành phần kết hợp với nhau. Chẳng hạn, cấu trúc cảm thán có cấu trúc 1 từ kết hợp với cấu trúc lời than, lời gọi. Các thành phần trong cấu trúc này cũng có thể hoán đổi vị trí cho nhau tạo ra đơn vị cảm thán mới, nhưng trọng âm đánh dấu khác nhau. Thí dụ:

Vua: Ô ...! Sa-lăp hơi...! Lôt oi! Com tha-vơ đôt chha-nes! (Ô...! Chết rồi...!trời ơi! Đừng có làm thế!) (2).

Trong hầu hết các diễn ngôn, thông tin cũ hay sở đề là những đơn vị theo sau thông tin mới và tất cả chúng được đánh dấu bằng đơn vị cảm thán.

Cần lưu ý rằng, riêng vấn đề về đối tượng được gọi trong cấu trúc diễn ngôn cũng đã rất phức tạp. Đối tượng hô gọi ở đây không phải là hô gọi thông thường mà là những đối tượng thuộc thế hệ bề trên, cha mẹ, ông bà, người đã qua đời, lực lượng siêu nhiên, trời, phật mà con người có niềm tin có thể cứu giúp con người và thường kêu gọi để than để thán. Thí dụ:

1. Lum- Phách: Pre mà-chas tha-lay oi!(Hả! Trời ơi....!) (3).

2. Nhủ mẫu: Put-thô (Trời ơi...!) (4).

3. Vua: Từ đây về sau con không còn nguy hiểm gì nữa.

4. Lum- Phách: Tê...! Chup sanh! Têu-va-đa lôt oi!(Không...! Khoan đã!Trời ơi ông ơi!) [Têu-va-đa lôt oi]. Lúc mà tôi ngồi lên ngai vàng thì mất mạng một người dân thường. Họ có tội gì? Riêng ông thợ săn là người dân hiền lành phải mất con trai yêu quý của mình. Vậy thì ông ấy đã làm nên tội gì, trời ơi!(5).

5. Nhủ mẫu: Trời ơi...! [Pres mà-chas tha-lay oi!] (6) Chau bong-kot rô-bos kha-nhom pro-hel chia sa-lăp hơi!(Cháu ruột của tôi chắc là chết rồi!).

Trong (3), (4), (5), (6) đều có cảm thán hô gọi kêu trời. Người Khmer cũng có thói quen kêu gọi ông trời là đáng sáng tạo để than để thán. Theo tín ngưỡng họ cũng thường kêu Phật để nhờ cứu giúp.

Như vậy, cho dù là vấn đề về thông tin cũ hoặc mới ý nghĩa cảm thán đều phụ thuộc vào ngữ cảnh, đoạn thoại. Đối với cấu trúc cảm thán tương đương thì ý nghĩa cảm thán trong cấu trúc này là tình cảm, cảm xúc, thái độ của người phát ngôn được thể hiện đồng thời trong lúc phát ngôn, trong ngữ cảnh cụ thể và ít lệ thuộc vào ngữ cảnh. Còn đối với cấu trúc là kết cấu của lời gọi, lời than thì cần đến ngữ cảnh đoạn thoại, ngữ cảnh, lời thoại, sự kiện trước và sau nó để xem xét vì ý nghĩa cảm thán của nó không phải lúc nào cũng thể hiện trong bề mặt từ, cú. Thí dụ đoạn thoại (18,3):

1. Công chúa: Dong com nău ti neas du, dong tâu chhăp long (mình đừng ở đây lâu, mình hãy đi nhanh lên).

2. Công chúa: Chhăp long bon! (Nhanh đi anh!)

3. Lum- Phách: A... ha! (A...hả!) (7)

4. Công chúa: Sa-lăp hơi! (Chết rồi!) (8)

5. Thủy thần: Hử! Dong mol enh đôt meas prac, ponh-te enh pro-chhăng chia muôi dong rư? Hử! (Ta trọng người như vàng bạc nhưng người lại đối đầu với ta à?) (9).

6. Công chúa: *Krap tul pres bây-đa! (Thưa phụ vương!)*.

7. Thủy thần: *Eng chong tau tam via ru? (Người muốn đi theo hân à?)*.

8. Công chúa: *Krap tul pres bây-đa, xôm pres onh a-nich cõt phon! Cõt manh at kha-liết chha-ngai pi bon Phách bal tê. (Thưa phụ vương, xin hãy thương con với! Con không thể rời xa anh Phách được đâu)*.

9. Lum- Phách: *Krap tul pres bây-đa, xôm pres onh a-nich cõt phon! Cõt ta-râu te vil tau sa-roc com-not rô-bos cõt kha-nông pël chháp bom-phot (Thưa phụ vương, xin phụ vương hãy thương con với! Con phải trở về quê hương của con trong thời gian sớm nhất)*.

Trong (7), (8), (9) đều là cảm thán đơn, và trong (8), (9) cảm thán đứng độc lập không có diễn ngôn theo sau nó nhưng rõ ràng A hă biểu lộ sự sợ hãi và đồng tình, chết rồi biểu thị ý nghĩa cảm thán bất ngờ, dự báo ngay thông tin có sự việc không may đang diễn ra trước mắt. Ngữ cảnh của đoạn thoại này giúp chúng ta xác định Lum-Phách và công chúa đang tìm cách trốn ai đó và gặp khó khăn trở ngại ngay lập tức. Tiếp theo đó, diễn ngôn (9) rõ ràng cung cấp thông tin xác định người mà họ muốn trốn chính là thủy thần... Có thể nói đơn vị cảm thán biểu lộ cảm xúc, tình cảm của người nói đối với sự việc chứa trong các diễn ngôn trước đó và đồng thời nêu một sự việc cũng thuộc phạm vi cảm xúc, tình cảm sau đó.

Đơn vị hay thành phần cảm thán trong diễn ngôn Dù kê Khmer thường đứng ở đầu diễn ngôn. Cũng có trường hợp đơn vị cảm thán đứng ở cuối diễn ngôn, nhất là khi biểu thị tình thái lên đến cao trào. Thí dụ đoạn thoại (4,3):

1. Nhũ mẫu: *Ma-đach via manh sa-đắp kha-nhom anh-châng/ Têu-va-đa oi/!!? (Sao nó không nghe lời tôi vậy?/ trời ơi!! [Têu-va-đa oi!]) (10)*

2. Hoàng tử: *Me oi, me com dum. Khong me dum cõt a-nach me nas.Te me com ní-dei tiết. pro-sanh bơ pa-đây rô-bos me nâu rus me hao cõt một ta-ôn ta-e tau, com ta-ông ta-e chia muối cõt. Cõt thunh nas, lôt oi! (Vú ơi, vú đừng khóc. Thấy vú khóc con tội nghiệp vú lắm. Nhưng vú đừng nói nữa. Nếu như chồng vú còn sống thì kêu ông ấy đến mà than thở đi, chớ đừng có than thở với con. Con chán lắm, trời ơi! (11)*

Trong (10), nhũ mẫu thất vọng đến cao trào, không thể nói gì hơn. Trong (11), hoàng tử cũng bất mãn đến cao trào và không thể nói gì thêm. Hai diễn ngôn này đối đáp nhau thể hiện sự bất đồng quan điểm giữa hai người và cảm xúc của họ đã đến đỉnh điểm.

Có thể hiểu 'tình thái lên đến cao trào' là sự bộc lộ cảm xúc mạnh ra rồi dồn nén lại ngay lập tức. Khi đó cảm xúc cao và mạnh nhất, sự xúc động không che giấu được và sau đó người ta cố kìm chế lại đến mức không thể nói gì thêm. Thậm chí người có cảm xúc cao trào cũng không thể kiểm soát được mình muốn nói hay nghĩ gì. Đơn vị cảm thán vừa là biên giới thông tin vừa là liên kết thông tin và bổ sung cho sắc thái thông tin. Chẳng hạn, đơn vị cảm thán có thể xen vào giữa sở đề và sở thuyết, xen giữa thông tin cũ và thông tin mới. Thí dụ:

Mẹ: *tha-ngay kroi dơng nưng t'râu pha-đon tie tôs, pres oi! (Sau này mình sẽ bị trừng phạt, trời phạt ơi! (13) Tha-mơ nis pro hel chia cho-choat heat sach puộc via hơi, tiêu-va-đa lôt oi! (Giờ này chắc là sói đã xé xác chúng rồi, thánh thần ơi!)(14) Giúp con tôi với thánh thần ơi! (15)*

Trong diễn ngôn (13), (14), đơn vị cảm thán Trời, Phạt ơi xen giữa thông tin cũ và mới. Thông tin cũ là một việc làm không đúng như bỏ con trẻ vào rừng sẽ có báo ứng và thông tin mới là nỗi lo về hậu quả, tác hại đến các con, các con sẽ bị sói ăn thịt. Vì

có thông tin cũ là bỏ con vào rừng nên mới gặp sói và bị ăn thịt, và tiếp theo là cầu cứu trong (15).

Vị trí của đơn vị cảm thán trong diễn ngôn có vai trò ý nghĩa rất quan trọng. Vị trí của đơn vị cảm thán là ở đầu hay ở cuối luôn luôn có ý nghĩa tình thái khác nhau. Quan trọng là người làm công việc phân tích, mô tả phải nhận diện, phân biệt và chỉ ra cho được sự khác nhau đó một cách cụ thể nhất. Trong tất cả các trường hợp, có đúng như chúng ta giả định, những đơn vị cảm thán ở cuối diễn ngôn biểu thị cho ý nghĩa tình thái cao trào. Chúng ta không thể không nghi ngờ giả định này cho đến khi chúng ta tìm ra một hình thức tương tự có nội dung khác hoàn toàn.

4. Sự đánh dấu trọng âm, khoảng dừng dự báo thông tin của đơn vị cảm thán trong diễn ngôn Dù kê Khmer

Các đơn vị cảm thán trong diễn ngôn Dù kê Khmer luôn được đánh dấu điểm nổi bật. Tiêu biểu nhất là các khoảng dừng, trên văn bản thường được ký hiệu bằng dấu "...". Đằng sau mỗi đơn vị cảm thán trong diễn ngôn luôn luôn là những khoảng dừng, kể cả các đơn vị cảm thán chỉ có vai trò là thành phần cấu tạo nên một đơn vị cảm thán phức tạp hơn. Đơn vị cảm thán bao giờ cũng là những đơn vị có âm tiết bắt buộc phải được đánh dấu bằng sự nổi bật về nhịp điệu, ngữ điệu, trọng âm trong diễn ngôn. Sự nổi bật về nhịp điệu hay ngữ điệu, trọng âm trong diễn ngôn Dù kê không phải luôn là sự nổi trội về cao độ, trọng âm mà có thể là sự giảm dần các yếu tố đó.

Thí dụ: Trong ngữ cảnh (1,1) sau đây các đơn vị cảm thán được đánh dấu dự báo cho

thông tin xuất hiện sau nó bằng cách nhấn mạnh trọng âm, hay kéo dài khoảng dừng, ký hiệu bằng dấu / cho trọng âm mạnh vừa và // trọng âm mạnh. Đối với cấu trúc cảm thán phức tạp (cấu trúc ghép) thì trong đó có ít nhất 2 thành tố được đánh dấu và thường là 2 thành tố đầu và cuối. Chẳng hạn:

Vua: Ô...!// sláp hơi...!/lôt ơi! // Com tha-vơ anh-châng! (Ô...!// Chết rồi...!/trời ơi! // (Đừng có làm thế!) (16)

Phân tích các khoảng dừng trong các đoạn thoại sau đây:

Đoạn thoại (1,1)

1. Ông Phú Hộ: Ấy -lâu manh ây tê, dei enh minh tàu bom-rơ dơng bal. A Dek, enh chấp a Viasana tàu tha-vơ ka bom-rơ anh. (Giờ không sao, bà không đi làm công cho tôi được. Thằng Dek, mày bắt thằng Viasana đi làm công cho tao).

2. Viasana: Tê / / , me ơi! / / Me! / Còl minh tàu chol me tê! Lôt sê-thây, xôm lôt a-nach me còl kha-nhom phon. Túc kha-nhom nầu pha-tes the ma-đai kha-nhom oi sa-bơi chòm-ngư sanh, chẳm kha-nhom tàu bom-rơ lôt). (Không / / , mẹ ơi / / mẹ! / Con không đi bỏ mẹ đâu! Ông phú hộ, xin ông hãy thương mẹ con tôi với. Cho tôi ở nhà chăm sóc mẹ cho lành bệnh, tôi sẽ đi làm cho ông).

3. Dek: Đàng tha kha-luôn miềl chum-ngư hơi com ôs tênh Viasana tiết, túc oi visana tàu bom-rơ lôt sê-thây tàu. Lư tê dei chas? (Biết thân có bệnh rồi thì đừng nầu kéo Viasana nữa, để cho Viasana đi làm cho ông phú hộ. Có nghe không hả bà già?) (tên hầu đấm mạnh vào đầu bà mẹ)

4. Viasana: Ha...! / / Put thô...! / Me kha-nhom bet ka-bal hơi! Chênh chhiêm cha-ron nas! Os lôt tha-vơ ây cos cak sa-hau ma-les. Os lôt chia puộc khô khâu). (Hả...! / / Trời...! / Mẹ tôi bị bể đầu rồi! Máu chảy nhiều quá! Các ông làm gì mà hung tợn dữ vậy. Mấy ông là bọn ác ôn). (hoảng hốt)

Đoạn thoại (1,2):

1. Clay: Ô... / / Lôt pa-đây! / Không rương ây bal chia onh-kui boot sooc ka-bal anh-châng? (Ô... / / Ông chồng! / Ông giận chuyện gì mà ngồi bứt đầu bứt tóc vậy?) (ngạc nhiên, khó chịu)

2. Clay: *Pres oi! / Kha-miêl ong-kia muôi krop na xó... Rô-siêl neas pro-hel chia si chia-muôi om-buê, ngóp côl kha-nhom hơi! (Trời (Phật) ơi! / Không có một con tếp nào... Chiều tối nay chắc là ăn với muối chết con tôi rồi!) (Thất vọng, than phiền)*

3. Clay: *Dớ...! / Rúc rơ, rúc rơ,... Rước đol sa-lấp kos mình khong sa-ây đê. (Dớ...! / Lọc lợi, lọc lợi. Tìm đến chết cũng không có gì đâu). (phản bác, mỉa mai).*

Đoạn thoại (1,1), diễn ngôn 4 có 2 khoảng dừng dài phía sau 2 cảm thán *hả* và *trời*. Khoảng dừng này giúp phân biệt 2 đơn vị cảm thán được phát ra gần kề nhau. Khoảng dừng còn biểu lộ cảm xúc hoảng hốt, bất ngờ đau đớn đánh dấu thông tin mới là có sự việc đột ngột xảy ra trong ngữ cảnh, mẹ bế đầu là điều không tìm được từ các diễn ngôn trước đó. Một trong hai cảm thán có đơn vị mang trọng âm mạnh hơn là *hả*, dự báo thông tin cho điều sắp nói ra sẽ rất bất ngờ. Đây cũng là cách phân biệt hai loại ý nghĩa cảm thán bất ngờ, hết hồn và đau đớn kêu thán.

Đoạn thoại (1,2), có sự tình là người vợ đi tìm chồng, khoảng dừng dài sau cảm thán *ô* của diễn ngôn 1 đánh dấu sự mừng rỡ, dự báo thông tin mới trong ngữ cảnh đoạn thoại là tìm gặp được người chồng. Tương tự, khoảng dừng sau đó trong diễn ngôn 2 đánh dấu thông tin mới sau đó là sự phản bác vì nó biểu lộ cảm xúc không đồng tình với việc đi tìm thức ăn bằng việc bắt cá, tôm của người chồng.

Trong (16), *ô* cũng diễn tả sự bất ngờ, còn *chết rồi* và *trời ơi* đều là kêu than. Đây là ba thành phần cảm thán có sự đánh dấu và dự báo thông tin, điều sắp nói ra là điều không hay, không may mắn, không đúng. Ở diễn ngôn này có đến hai đơn vị mang trọng âm mạnh ngang nhau, đánh dấu hai loại

cảm xúc khác nhau. *Ô* là ngạc nhiên, bất ngờ trước sự việc hay sự kiện mà theo ngữ cảnh là bác thợ săn quì lạy vua vì tin rằng vua đã giúp mình nhưng vua lại nghĩ thợ săn mới là người giúp vua và vua mang ơn, đây là thông tin cũ có thể tìm lại từ diễn ngôn đi trước, từ ngữ cảnh. *Trời ơi* là lời kêu than cho sự việc diễn ra quá bất ngờ và không có thể giải thích ngay được, hành động quì cảm ơn của bác thợ săn là không có trước đó và là thông tin mới, dựa vào ngữ cảnh được cảm thán đánh dấu. Đây là 2 loại cảm thán diễn tả hai cảm xúc khác nhau nên đều được đánh dấu.

Thực tế trong các diễn ngôn Dù kê, các đơn vị cảm thán luôn là đơn vị có chức năng đánh dấu, có cường độ cao hơn các thành phần còn lại. Những diễn ngôn nghệ thuật như cải lương cũng có đặc điểm này. Đơn vị cảm thán được đánh dấu dù có cường độ như thế nào thì cũng luôn luôn có một sự tương phản rõ ràng với những đơn vị cảm thán còn lại trong cấu trúc ghép và với thành phần khác trong diễn ngôn.

Trong diễn ngôn nào có hai đơn vị cảm thán trở lên, hoặc khác nhau, hoặc là lặp lại từ một đơn vị cơ sở thì có ít nhất một đơn vị là nổi bật hơn. Chẳng hạn sự nổi bật của đơn vị cảm thán trong các diễn ngôn của đoạn thoại sau đây:

Đoạn thoại (2,3):

1. Hoàng tử: *ui.../ui.../ / ây dơ...! / / Ui.../ui.../ui...! / / Chhư púa nas, lôt ơi! (Ui.../ui.../ / Ây dơ...! / / Ui.../ui.../ui.../ / ! Đau bụng quá, ông ơi!)*

2. Tì nữ: *Pres onh sa-nghiêm tâu! (Hoàng tử hãy nín đi!)*

3. Hoàng tử: *Ha! / / Ây dôi... / / ây dôi.../ây dôi! / (Hả! / / Ây dôi.../ây dôi.../ây dôi! /)*

4. Hoàng tử: *ma-dach enh oi dơng xi phle chhơ, min hơi dơng thop? (Sao người cho ta ăn trái cây mà không cho ta hôn người?).*

5. Tì nữ: *Pres-onh long chhô tâu! Pres onh oi, ma-dach kos pres onh kha-soi ma-les? Ka-ron te rot pro-len chia muôi tul bon-kum te pres onh đènh nâu minh tol tiết. (Hoàng tử đừng dậy đi! Hoàng tử ơi, sao hoàng tử yếu thế? Chỉ có chạy giỡn với tì nữ mà hoàng tử đuổi còn không kịp nữa).*

6. Hoàng tử: *Ka pich dơng pu-ke nas, te môt pi kha-lanh dơng chrol pêt bal chia dơng đènh minh tol puộc enh. (Thật sự ta rất giỏi nhưng do ta nhiều mỡ quá nên ta rượt không kịp các nô tì người).*

7. Tì nữ: *Chôs mình mên pres onh thot pêt bal chia đènh minh tol puộc kha-nhom. (Chứ không phải hoàng tử mập quá rồi chạy không kịp chúng tôi?).*

8. Hoàng tử: *Hớ! / Hớ! / puộc tia sây com ní-dei piệc that hot na! Prúa ây dơng mình chôl chach sa-đắp piệc nưng tê na. (Hớ! / Hớ! / Nô tì đừng nói tiếng mập nhè! Bởi vì ta không thích nghe tiếng đó nhè!).*

Đoạn thoại (3,3)

1. Tì nữ: *Pro-sanh pres onh mình sa-đắp kha-nhom tê, kha-nhom nưng tâu pa-rap net niềng. Nếu hoàng tử không nghe lời tôi thì tôi sẽ đi thưa với nhũ mẫu.*

2. Hoàng tử: *Ha...! / Tia sây! Ây dôi...! / Ây dôi...! / Tâu pa-rap kot kư dơng pi-bac tiết hơi! Đàng tê? (Hả...! / Nô tì! Ây dôi...! / Ây dôi...! / Đi thưa bà ấy thì ta sẽ khổ nữa rồi! Biết không?)*

Trong các diễn ngôn thông thường khác, sự vắng mặt hay có mặt của các thành phần

trong cấu trúc thông tin cần được xem xét để hiểu nghĩa thì diễn ngôn trong Dù kê Khmer luôn là những đối thoại trao đáp trực tiếp dựa vào ngữ cảnh, tình thái của nó và không nhất thiết phải xem xét đến sự vắng mặt hay có mặt các thành phần trong cấu trúc thông tin.

*

Dù kê Khmer là loại hình nghệ thuật sân khấu được các nhà nghiên cứu đánh giá rất cao về giá trị văn hóa, tinh thần nhưng nó đang đứng trước nguy cơ mai một dần.

Dù kê Khmer cần được khảo sát nghiên cứu một cách có hệ thống hơn để củng cố, bảo tồn và phát huy hơn nữa bản sắc văn hóa dân tộc Khmer Nam Bộ.

Những đặc trưng về kết cấu đã làm nên bản sắc riêng trong văn học nghệ thuật Khmer, cảm thán khi thì làm cho câu chuyện mạnh mẽ hơn, khi thì mềm mại hơn. Khi nói chuyện với những đối tượng khác nhau: đối với cha mẹ, người bề trên, khác với những người ngang hàng và nhỏ hơn. Chính cảm thán trong diễn ngôn làm cho nó có một sắc thái đặc biệt khác với các phong cách khác.

*

INFORMATION PREDICTING FUNCTION OF INTERJECTION UNITS IN KHMER YUKE'S DISCOURSE

Phan Thanh Bao Tran

*University of Social Sciences and Humanities
Vietnam National University of Ho Chi Minh City*

ABSTRACT

The focus of this study is speech in Yuke (also known as Yike). Using Khmer language dramatics, we study information predicting function. According to linguistic data studying interjection units' marking, information predicting function in Khmer discourse information structures, the combination of interjection units in Khmer Yuke discourse and stress, and information predicting pause marking in Khmer Yuke discourse; we discover information predicting function and are able to prove this function in Khmer Krom (Khmer People who

live in the South of Vietnam) Yuke. The most outstanding characteristic in Yuke's discourse is that the interjection factors appear numerously, which increase Yuke's expressiveness. Also, it has the characteristics of a perfect whole in content and meaning; functioning as an independent sentence. As this is a complex matter requiring lot of time and effort to study; due to limitations of time and linguistics data, this study focus on analyzing the sentence marking function of interjection units in Khmer Yuke's discourses only as an initial consideration. The writer regards this article as one of important foundations for following study, especially systematic studies about interjection units in vivid and varied of this language through comparison with the other Khmer texts.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Văn Ái (chủ biên) (1994), *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
- [2] [2] Diệp Quang Ban (chủ biên) - Hoàng Văn Thung (1996), *Ngữ pháp tiếng Việt*, tập một, NXB Giáo dục.
- [3] Diệp Quan Ban (2010), *Từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học (sơ thảo)*, NXB Giáo dục.
- [4] Đinh Văn Đức (2001), *Ngữ pháp tiếng Việt - từ loại*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Nguyễn Tài Cẩn (1975), *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
- [6] Nguyễn Thiện Giáp (2010), *777 khái niệm ngôn ngữ học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [7] Cao Xuân Hạo (chủ biên), Hoàng Xuân Tâm - Nguyễn Văn Bằng – Bùi Tất Tươi (1999), *Ngữ pháp chức năng tiếng Việt*, Quyển 1: *Câu trong tiếng Việt: Cấu trúc - Ngữ nghĩa - Công dụng*, NXB Giáo dục.
- [8] Cao Xuân Hạo (1991), *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, Quyển 1, NXB Khoa học xã hội.
- [9] Phạm Thị Ly (2002), *Tiểu từ tình thái cuối câu một trong những phương tiện chủ yếu diễn đạt ý nghĩa tình thái trong tiếng Việt (Đối chiếu với những phương tiện diễn đạt các ý nghĩa tương ứng trong tiếng Anh)*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 13.
- [10] Hoàng Phê (chủ biên) (2000), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.
- [11] Nguyễn Anh Quế (1988), *Hư từ trong tiếng Việt hiện đại*, NXB Khoa học xã hội.
- [12] Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp (1998), *Thành phần câu tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [13] Phạm Hùng Việt (1996), *Một số đặc điểm chức năng của trợ từ tiếng Việt hiện đại*, Luận án phó tiến sĩ khoa học ngữ văn, Hà Nội.
- [14] Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1997), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, NXB Giáo dục.
- [15] Gillian Brown - George Yule (Trần Thuần dịch) (2002), *Phân tích diễn ngôn*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [16] David Nunan (Hồ Mỹ Huyền, Trúc Thanh dịch) (1997), *Dẫn nhập phân tích diễn ngôn*, NXB Giáo dục.